

Số: /QĐ-UBND

Tỉnh Biên, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thị xã Tịnh Biên năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh An Giang năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tịnh Biên giai đoạn 2021 -2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số /TTr-PLĐTBXH ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thị xã Tịnh Biên năm 2024 (Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và nội dung của Kế hoạch này khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND&UBND thị xã, Trưởng các Phòng, ban, ngành thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT: HU, HĐND, UBND thị xã;
- Ủy ban MTTQVN thị xã;
- Phòng, ban, ngành thị xã;
- VP.HĐND&UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bá

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thị xã Tịnh Biên năm 2024

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
UBND thị xã Tịnh Biên)

Nhằm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 (sau đây gọi tắt là Chương trình) được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả trên địa bàn thị xã Tịnh Biên, Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch thực hiện, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 0,8% năm 2024.
- Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số và xã đặc biệt khó khăn giảm từ 2 - 3%/năm.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được cuối năm 2024

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phấn đấu giảm 1/5 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu năm theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia.
- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thị xã.
- Hỗ trợ người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ dân trên địa bàn thị xã được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập;
- Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;
- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách,

dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 cùng với hệ thống chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội góp phần giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản như sau:

- Chiều thiếu hụt về việc làm:

+ 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm;

+ Khoảng trên 200 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công;

+ Khoảng 20 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi theo quy định.

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 90%;

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 25%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 20%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp.

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: trên 50 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thị xã được hỗ trợ nhà ở, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững từ các dự án & nguồn vốn vận động xã hội hóa (nếu có).

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 60% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 90% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 95% các hộ gia đình sinh sống địa bàn xã, phường được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

c/ Phân bổ chỉ tiêu cụ thể:

STT	Xã, phường	Hộ dân cuối năm (2023)	Kế hoạch giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024											
			Hộ nghèo						Hộ cận nghèo					
			HN đầu năm 2024		Thoát hộ nghèo		HN còn lại		HCN đầu năm 2024		Thoát cận nghèo		HCN còn lại	
			Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)	Hộ	Tỷ lệ (%)
A	B	I	2	3	4	6	7	8	9	10	11	11	12	13
I	Thành thị	16.194	113	0,70	8	0,05	105	0,65	412	2,54	34	0,21	378	2,33
1	Nhà Bàng	3.339	18	0,54	1	0,03	17	0,51	95	2,85	5	0,15	90	2,70
2	Tịnh Biên	3.750	23	0,61	1	0,03	22	0,59	40	1,07	1	0,03	39	1,04
3	Chi Lăng	1.831	7	0,38	1	0,05	6	0,33	38	2,08	2	0,11	36	1,97
4	Nhon Hưng	1.657	7	0,42	1	0,06	6	0,36	21	1,27	1	0,06	20	1,21
5	An Phú	2.348	38	1,62	1	0,04	37	1,58	58	2,47	5	0,21	53	2,56
6	Thới Sơn	2.073	6	0,29	1	0,05	5	0,24	99	4,78	15	0,72	84	4,05
7	Núi Voi	1.196	14	1,17	2	0,17	12	1,00	61	5,10	5	0,42	56	4,68
II	Nông thôn	14.325	649	4,53	146	1,02	503	3,51	311	2,17	61	0,43	250	1,75
8	Tân Lập	1.375	28	2,04	2	0,15	26	1,89	28	2,04	3	0,22	25	1,82
9	Tân Lợi	2.154	44	2,04	1	0,05	43	1,99	98	4,55	25	1,16	73	3,39
10	Văn Giáo	1.660	139	8,37	50	3,01	89	5,36	11	0,66	8	0,66	3	0,18
11	Vĩnh Trung	2.213	44	1,99	1	0,05	43	1,94	28	1,27	1	1,27	27	1,22
13	An Nông	1.006	28	2,78	1	0,10	27	2,68	19	1,89	1	0,10	18	1,79
14	An Hào	3.393	171	5,04	38	1,12	133	3,92	95	2,80	11	0,32	84	2,48
11	An Cư	2.524	195	7,73	53	2,10	142	5,63	32	1,27	12	0,48	20	0,79
	Tổng	30.519	762	2,50	154	0,50	608	1,99	723	2,37	95	0,31	628	2,06

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIẠN THỰC HIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**1. Phạm vi của Chương trình**

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 thực hiện trên phạm vi toàn thị xã.

2. Đối tượng của Chương trình

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn thị xã. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thị xã.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thị xã (nếu có).

- Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện Chương trình: đến hết năm 2024.

III. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu

Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn thị xã; người dân sinh sống trên địa bàn xã, áp đặc biệt khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn ở các xã, áp đặc biệt khó khăn; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

- Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ

- Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn các xã, áp đặc biệt khó khăn; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên

quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

d) Phân công thực hiện

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan để tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.522 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.293 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách tỉnh: 229 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Vốn huy động hợp pháp khác: (nếu có).

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát

Hỗ trợ người nghèo; người dân sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với quy hoạch sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh của địa phương tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

+ Mục tiêu cụ thể:

Giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn.

Phần đầu có 50% số hộ nghèo tham gia dự án được thoát nghèo bền vững.

- Kết quả chủ yếu:

+ Hình thành và phát triển các tổ hợp tác sản xuất để cùng trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nhau ứng dụng tiến bộ về khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, giảm chi phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

+ Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao trình độ, kiến thức cho đối tượng thụ hưởng từ dự án.

+ Tạo mối liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa người sản xuất với doanh nghiệp, Hợp tác xã.

- Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo;

+ Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Nội dung hỗ trợ:

Triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp (*Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp*) gồm các hoạt động:

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất nông nghiệp

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo các lĩnh vực:

Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

+ Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án.

- **Phân công thực hiện:** Phòng Kinh tế chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- **Vốn và nguồn vốn:**

Tổng kinh phí thực hiện: 1.043 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 948 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 95 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn thị xã.

- Đối tượng:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn thị xã.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thị xã.

+ Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Chủ trì thực hiện: Trung tâm Y tế thị xã

- Vốn và nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Trung ương và nguồn vốn đối ứng của tỉnh do Sở y tế cấp và vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp

- Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn thị xã, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Đối tượng:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

+ Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thị xã (nếu có).

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Các phòng, ban ngành, được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thị xã.

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn thị xã.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn thị xã.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các Phòng, ban ngành có liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.210 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.100 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 110 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: (nếu có).

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thị xã sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn thị xã;

+ Các xã, ấp đặc biệt khó khăn;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), đồn biên phòng để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội;

+ Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin ty thị xã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng:

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin; Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh và các Phòng, ban ngành có liên quan; UBND các xã, phường tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 153 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 139 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 14 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: (nếu có).

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- Đối tượng:

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (cán bộ khóm/ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung:

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban ngành có liên quan; UBND các xã, phường tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 342 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 311 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 31 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: (nếu có).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu:

+ Ứng dụng /thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Đối tượng:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức thực hiện đánh giá kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp;

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và hội chủ trì, phối hợp với các Phòng, ban ngành có liên quan; UBND các xã, phường tổ chức thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Vốn và nguồn vốn:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 206 triệu đồng, Trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 187 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách tỉnh: 19 đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: (nếu có).

6. Kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình năm 2024 tối thiểu là 5.476 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 4.978 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Ngân sách tỉnh: 498 triệu đồng (vốn sự nghiệp);

- Huy động hợp pháp khác: 0 triệu đồng.

(Chi tiết theo biểu dự kiến kế hoạch vốn đính kèm)

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các xã, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn thị xã; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ

nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Quy định cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm, điều kiện thị xã; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã.

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

- Ban Chỉ đạo thị xã; xã, phường: kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (*trường hợp có thay đổi thành viên hoặc có văn bản hướng dẫn mới của cơ quan có thẩm quyền*).

- Tổ Giúp việc: kiện toàn Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (*trường hợp có thay đổi thành viên*).

- Về cơ chế thực hiện

+ Cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn thị xã thông qua các dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, giảm nghèo về thông tin và truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình.

+ Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

+ Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc ta đối với người nghèo. Khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Đổi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, góp phần cùng cả nước phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

VI. PHÂN CÔNG QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các phòng ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và kế hoạch vốn thực hiện Chương trình năm 2024, gửi phòng Tài chính theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn các phòng, ngành liên quan và UBND các xã, phường thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành có liên quan và UBND các xã, phường hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các xã, phường; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND thị xã và các sở, ngành theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

+ Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các Phòng, ban ngành có liên quan xây dựng phương án phân bổ theo kế hoạch năm 2024, nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh để đảm bảo hoạt động của Chương trình.

+ Triển khai hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình theo Thông tư 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính và tổ chức đoàn kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tại các địa phương.

3. Các phòng, ban ngành thị xã chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

+ Tổng hợp kết quả thực hiện; hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024. Hướng dẫn các địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của phòng, ban ngành, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

+ Lập kế hoạch vốn năm 2024 để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

+ Hướng dẫn phòng, ban ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc chương trình được phân công chủ trì.

+ Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các phòng, ngành, địa phương.

+ Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

+ Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và phòng, ban ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì theo quy định, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo UBND thị xã và Ban Chỉ đạo thị xã và các sở, ngành tỉnh theo quy định.

+ Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

+ Xây dựng và hướng dẫn cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện các nội dung của các phòng, ban ngành.

+ Thường xuyên, định kỳ tổ chức các đoàn kiểm tra ở các địa phương được phân công; giám sát, kiểm tra kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Các phòng, ban ngành thị xã tham gia thực hiện Chương trình

Nghiên cứu, lồng ghép thực hiện Chương trình với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

- Các cơ quan thông tin và truyền thông có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

+ Thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia theo nguyên tắc, yêu cầu như đối với Ban Chỉ đạo thị xã.

+ Phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2024, bao gồm các nội dung: kế hoạch thực hiện Chương trình, dự kiến kinh phí và gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần, cơ quan chủ trì quản lý Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định.

+ Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí thêm từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện Chương trình (nếu có).

+ Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

+ Phân công, phân cấp trách nhiệm từng bộ phận chuyên môn và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm ở địa phương.

+ Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn tổ chức triển khai Chương trình trên địa bàn theo thẩm quyền và nhiệm vụ được giao.

+ Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã và các tổ chức chính trị, xã hội thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình./.

